

Số: /QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hình thức vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-ĐHNT ngày 03/12/2024 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang; Nghị quyết số 13/NQ-ĐHNT ngày 10/7/2025 và Nghị quyết số 33/NQ-ĐHNT ngày 12/12/2025 của Hội đồng trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 1052/QĐ-ĐHNT ngày 17/7/2025 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-ĐHNT ngày 26/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc Ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 164/QĐ-ĐHNT ngày 27/01/2026 về việc thành lập Hội đồng tốt nghiệp hình thức Vừa làm vừa học Đợt 1 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập các lớp Đại học liên thông từ Cao đẳng, Đại học các ngành Công nghệ thông tin, Kế toán, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật ô tô, Ngôn ngữ Anh, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật tàu thủy, Hệ thống thông tin quản lý, hình thức Vừa làm vừa học, đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Theo đề nghị của Hội đồng tốt nghiệp và Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hình thức Vừa làm vừa học cho 257 sinh viên các ngành Công nghệ thông tin, Kế toán, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật ô tô, Ngôn ngữ Anh, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật tàu thủy, Hệ thống thông tin quản lý, Kỹ thuật cơ điện tử, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế (có tên trong danh sách kèm theo).

TT	Ngành tốt nghiệp	Số lượng
1	Công nghệ thông tin	02
2	Kế toán	47
3	Kỹ thuật điện	35
4	Kỹ thuật ô tô	02
5	Ngôn ngữ Anh	139
6	Quản trị kinh doanh	29
7	Kỹ thuật tàu thủy	01
8	Hệ thống thông tin quản lý	01
9	Kỹ thuật cơ điện tử	01
Tổng cộng		257

Điều 2. Các Ông/bà Trưởng đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT, ĐTBĐ.

Quách Hoài Nam

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC

(Theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNT ngày tháng 04 năm 2026)

1) Công nghệ thông tin

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	23TH2529	Võ Thị Giang Châu	11/09/1980	TP. HCM	Khá	CC23CTH
2	23TH0013	Nguyễn Xuân Long	04/01/1999	Khánh Hòa	Khá	NT23CTH

Danh sách gồm 02 sinh viên.

2) Kế toán

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	23DN0033	Lê Như Tịnh	23/07/1989	Đắk Lắk	Khá	NT23B2DN
2	23DN033	Phạm Vũ Huyền Anh	12/12/1995	Khánh Hòa	Khá	NT23CDN
3	23DN034	Trần Võ Hoàng Châu	28/06/2000	Khánh Hòa	TB Khá	NT23CDN
4	23DN029	Tào Thị Hồng Gấm	16/05/1999	Đắk Lắk	Khá	NT23CDN
5	23DN037	Nguyễn Ngọc Bình Phương	03/10/2002	Khánh Hòa	TB Khá	NT23CDN
6	23DN040	Ngô Đức Thành Đạt	25/04/1999	Khánh Hòa	TB Khá	NT23CDN
7	24DN0001	Nguyễn Thị Vân Anh	03/06/1996	Khánh Hòa	Giỏi	NT24CDN
8	24DN0046	Vũ Thị Lan Anh	25/08/1999	Hải Phòng	Khá	NT24CDN
9	24DN0002	Ngô Duy Bá	13/02/1995	Nghệ An	Khá	NT24CDN
10	24DN0029	Nguyễn Văn Chiến	10/12/2000	Khánh Hòa	TB Khá	NT24CDN
11	24DN0003	Lê Duy Mỹ Dung	01/08/1991	Khánh Hòa	Khá	NT24CDN
12	24DN0044	Nguyễn Thị Phương Dung	26/03/1990	Khánh Hòa	Khá	NT24CDN
13	24DN0004	Nguyễn Thị Hoàng Duyên	27/07/1999	Khánh Hòa	Khá	NT24CDN
14	24DN0005	Hồ Minh Hạnh	22/10/2001	Khánh Hòa	TB Khá	NT24CDN
15	24DN0006	Vũ Thị Thu Hiền	10/08/1985	Ninh Bình	Khá	NT24CDN
16	24DN0042	Ngô Trọng Hiếu	15/05/1999	Khánh Hòa	Khá	NT24CDN
17	24DN0007	Phạm Thị Xuân Hòa	20/01/1993	Khánh Hòa	Khá	NT24CDN
18	24DN0041	Ngô Mỹ Hoa	16/03/2000	Khánh Hòa	Khá	NT24CDN
19	24DN0050	Trần Thị Thu Hòa	13/09/1998	Khánh Hòa	Khá	NT24CDN
20	24DN0032	Trần Thị Hồng Hồng	17/06/2001	Khánh Hòa	Khá	NT24CDN
21	24DN0037	Nguyễn Thị Xuân Huệ	25/06/1996	Khánh Hòa	Khá	NT24CDN
22	24DN0009	Lê Đình Hùng	21/08/1988	Khánh Hòa	TB Khá	NT24CDN
23	24DN0040	Trần Hoàng Tuyết Hương	06/11/2000	Khánh Hòa	Khá	NT24CDN
24	24DN0038	Nguyễn Việt Huy	09/03/1991	Khánh Hòa	Khá	NT24CDN
25	24DN0010	Đỗ Thị Bé Khương	07/02/1991	Khánh Hòa	Khá	NT24CDN
26	24DN0011	Trần Thị Kim Liên	13/01/1990	Khánh Hòa	Khá	NT24CDN
27	24DN0012	Tổng Khánh Linh	30/09/1999	Khánh Hòa	Khá	NT24CDN
28	24DN0033	Đặng Thị Kiều Loan	20/06/1991	Khánh Hòa	Khá	NT24CDN
29	24DN0013	Nguyễn Thị Lý	20/09/1991	Hà Tĩnh	Khá	NT24CDN
30	24DN0015	Lê Thị Hồng Ngà	09/01/1990	Khánh Hòa	Khá	NT24CDN
31	24DN0017	Lê Thị Nhân	07/10/1990	Đắk Lắk	TB Khá	NT24CDN
32	24DN0035	Nguyễn Thị Nhị	09/01/1989	Khánh Hòa	Giỏi	NT24CDN
33	24DN0018	Châu Quỳnh Như	16/02/2001	Khánh Hòa	Khá	NT24CDN
34	24DN0034	Trần Thị Mỹ Như	23/06/1998	Khánh Hòa	Khá	NT24CDN
35	24DN0039	Hồ Thị Túy Ny	16/10/1997	Khánh Hòa	Giỏi	NT24CDN

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
36	24DN0031	Nguyễn Thanh Phương Quỳnh	28/04/1997	Khánh Hòa	Khá	NT24CDN
37	24DN0021	Nguyễn Nhật Yến Thanh	21/09/1996	Khánh Hòa	Khá	NT24CDN
38	24DN0024	Tổng Thị Thi	21/10/1986	Long An	Khá	NT24CDN
39	24DN0025	Nguyễn Thị Thu Thúy	03/04/1993	Khánh Hòa	Khá	NT24CDN
40	24DN0043	Đặng Thị Thanh Thủy	01/07/1989	Hà Tĩnh	Khá	NT24CDN
41	24DN0019	Võ Văn Tín	12/02/2001	Khánh Hòa	TB Khá	NT24CDN
42	24DN0026	Cần Thị Mỹ Trang	03/02/1990	Khánh Hòa	Khá	NT24CDN
43	24DN0045	Huỳnh Thị Trang	08/05/1990	Đà Nẵng	Giỏi	NT24CDN
44	24DN0027	Nguyễn Thị Bảo Trinh	28/08/1991	Đắk Lắk	Khá	NT24CDN
45	24DN0020	Lê Quốc Tuấn	13/03/1989	Khánh Hòa	Khá	NT24CDN
46	24DN0028	Nguyễn Thị Thanh Vy	20/07/1999	Khánh Hòa	Khá	NT24CDN
47	24DN0049	Huỳnh Thị Diệu Yến	18/03/1996	Khánh Hòa	Khá	NT24CDN

Danh sách gồm 47 sinh viên.

3) Kỹ thuật điện

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	22DT045	Võ Lý Nhất Hữu	25/12/1996	Khánh Hòa	Khá	NT22CDT
2	24DT0084	Mai Văn An	25/06/1996	Gia Lai	Khá	NT24CDT
3	24DT0051	Đoàn Quang Chất	23/09/1983	Hung Yên	Khá	NT24CDT
4	24DT0103	Nguyễn Quang Công	14/06/1995	Gia Lai	Khá	NT24CDT
5	24DT0082	Nguyễn Minh Dũng	26/02/1992	Khánh Hòa	Khá	NT24CDT
6	24DT0102	Phan Từ Duy	01/09/2001	Gia Lai	Khá	NT24CDT
7	24DT0074	Cao Hà Giang	01/02/1995	Khánh Hòa	Khá	NT24CDT
8	24DT0070	Nguyễn Ngọc Hải	26/04/1996	Hà Tĩnh	Khá	NT24CDT
9	24DT0087	Tổng Minh Hải	09/10/2005	Khánh Hòa	Khá	NT24CDT
10	24DT0085	Dương Trung Hiếu	11/04/1997	Khánh Hòa	Khá	NT24CDT
11	24DT0100	Đặng Văn Hưng	29/04/2003	Khánh Hòa	Khá	NT24CDT
12	24DT0055	Thái Tấn Huy	16/02/1995	Khánh Hòa	Khá	NT24CDT
13	24DT0056	Phan Quốc Huy	23/08/1998	Quảng Trị	Khá	NT24CDT
14	24DT0057	Trần Ngọc Huy	16/04/1989	Khánh Hòa	Khá	NT24CDT
15	24DT0099	Nguyễn Quốc Huy	24/03/1987	Khánh Hòa	Giỏi	NT24CDT
16	24DT0081	Lâm Thanh Liêm	19/08/2001	Khánh Hòa	Khá	NT24CDT
17	24DT0072	Nguyễn Văn Mạnh	27/11/1993	Khánh Hòa	Khá	NT24CDT
18	24DT0089	Nguyễn Lê Phong Nhã	26/09/2005	Khánh Hòa	Khá	NT24CDT
19	24DT0076	Nguyễn Duyên Thiên Nhân	16/12/1997	Khánh Hòa	Khá	NT24CDT
20	24DT0083	Đỗ Đức Nhân	14/08/1995	Khánh Hòa	Khá	NT24CDT
21	24DT0092	Nguyễn Trọng Nhân	06/02/1998	Khánh Hòa	Khá	NT24CDT
22	24DT0061	Trần Bảo Nhân	03/01/1992	Khánh Hòa	Khá	NT24CDT
23	24DT0069	Trần Đức Phú	19/07/1992	Đắk Lắk	Khá	NT24CDT
24	24DT0080	Lê Hoàng Phúc	04/12/1997	Khánh Hòa	Khá	NT24CDT
25	24DT0062	Bùi Đức Ry	22/02/1991	Khánh Hòa	Khá	NT24CDT
26	24DT0101	Nguyễn Hoàng Minh Sang	26/02/1982	Khánh Hòa	Khá	NT24CDT
27	24DT0090	Bùi Hồng Sanh	07/06/2005	Khánh Hòa	Khá	NT24CDT
28	24DT0063	Lê Văn Tài	24/11/1989	Khánh Hòa	Khá	NT24CDT
29	24DT0096	Lê Văn Thảo	19/05/1990	Khánh Hòa	Khá	NT24CDT

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
30	24DT0079	Nguyễn Trung Tín	07/10/1999	Đắk Lắk	Khá	NT24CDT
31	24DT0078	Nguyễn Công Trình	22/02/1994	Gia Lai	Khá	NT24CDT
32	24DT0094	Lê Đăng Trình	10/06/1988	Khánh Hòa	Khá	NT24CDT
33	24DT0067	Nguyễn Văn Truyện	28/08/1987	Khánh Hòa	Khá	NT24CDT
34	24DT0052	Nguyễn Sỹ Đạt	03/09/1997	Hà Nội	Khá	NT24CDT
35	24DT0088	Mai Đức Đạt	10/09/2005	Khánh Hòa	Khá	NT24CDT

Danh sách gồm 35 sinh viên.

3) Kỹ thuật ô tô

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	23OT2501	Lê Vũ Hoàng Bảo	29/06/2004	TP.HCM	TB Khá	CC23TOT
2	23OT2512	Châu Hoàng Quân	10/07/2004	TP.HCM	TB Khá	CC23TOT

Danh sách gồm 02 sinh viên.

4) Ngôn ngữ Anh

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	24TA0052	Trần Thị Mỹ Dung	24/04/1984	Khánh Hòa	Khá	NT24B2TA
2	24TA0058	Huỳnh Trung Hậu	15/12/1994	Đắk Lắk	Giỏi	NT24B2TA
3	24TA0057	Phạm Tùng Linh	02/12/1996	Khánh Hòa	Giỏi	NT24B2TA
4	24TA0055	Y Chen Mlô	20/09/1979	Đắk Lắk	Khá	NT24B2TA
5	24TA02301	Nguyễn Thúc An	10/10/1990	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
6	24TA02302	Dương Đức Anh	01/06/1984	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
7	24TA02303	Cao Thị Lan Anh	15/01/1989	Quảng Trị	Khá	NA24B2TA3
8	24TA02304	Trần Thị Trương Chi	09/05/1987	Quảng Ngãi	Khá	NA24B2TA3
9	24TA02305	Phạm Trường Chính	25/03/1989	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
10	24TA02306	Lâm Phúc Công	26/12/1990	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
11	24TA02310	Trần Thị Thu Dung	24/08/1986	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
12	24TA02311	Võ Thị Thùy Dung	04/05/1995	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
13	24TA02312	Nguyễn Đình Dũng	02/02/1982	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
14	24TA02313	Vũ Thị Duyên	13/09/1987	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
15	24TA02314	Nguyễn Thị Gấm	02/10/1989	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
16	24TA02315	Dương Thị Hương Giang	26/10/1988	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
17	24TA02316	Ngô Thị Khánh Hà	17/08/1982	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
18	24TA02317	Nguyễn Thị Hà	01/09/1989	Gia Lai	Khá	NA24B2TA3
19	24TA02318	Dương Văn Hải	17/11/1983	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
20	24TA02319	Nguyễn Thị Thanh Hải	20/06/1986	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
21	24TA02320	Nguyễn Duy Hải	24/05/1983	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
22	24TA02321	Vương Vũ Ngọc Hân	17/02/1999	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
23	24TA02322	Trần Thị Thu Hằng	14/09/1988	Gia Lai	Khá	NA24B2TA3
24	24TA02323	Lê Anh Hào	23/09/1986	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
25	24TA02324	Đình Lương Hào	28/06/1981	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
26	24TA02325	Trương Thị Hiền	22/01/1991	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
27	24TA02326	Nguyễn Thị Như Hoa	13/07/1982	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
28	24TA02327	Nguyễn Thị Hợi	02/09/1983	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
29	24TA02328	Hồ Thị Huyền	19/05/1990	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
30	24TA02330	Bùi Thị Liên	29/06/1987	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
31	24TA02331	Trương Thị Lương	10/05/1982	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
32	24TA02369	Phạm Thị Hiền	12/02/1997	Cà Mau	Khá	NA24B2TA3
33	24TA02332	Nguyễn Thị Mai	10/10/1983	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
34	24TA02333	Phùng Thị Lê	26/12/1995	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
35	24TA02334	Lê Trần Nam	31/08/1985	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
36	24TA02336	Lê Thị Thanh Nga	01/09/1982	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
37	24TA02337	Nguyễn Thị Phương Nga	25/05/1983	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
38	24TA02338	Trương Thị Tuyết Ngân	19/05/1976	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
39	24TA02339	Vương Thị Ngọc	27/08/1992	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
40	24TA02340	Trần Thị Lan Phương	03/06/1994	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
41	24TA02341	Nguyễn Đình Quang	15/02/2002	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
42	24TA02342	Nguyễn Thị Quyên	02/06/1980	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
43	24TA02343	Hoàng Minh Quyết	25/11/1997	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
44	24TA02344	Trần Thị Như Quỳnh	05/05/1988	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
45	24TA02345	Lê Hải Sơn	25/09/1980	Quảng Trị	Khá	NA24B2TA3
46	24TA02346	Lê Văn Tâm	20/01/1994	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
47	24TA02347	Nguyễn Thanh Tấn	10/11/1992	Quảng Ngãi	Khá	NA24B2TA3
48	24TA02349	Bùi Thị Thắm	20/09/1991	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
49	24TA02351	Nguyễn Tất Thắng	27/05/1999	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
50	24TA02352	Phạm Tiến Thành	01/08/1991	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
51	24TA02353	Lê Thị Thảo	06/09/1989	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
52	24TA02354	Nguyễn Thị Thảo	10/08/1989	Quảng Trị	Khá	NA24B2TA3
53	24TA02370	Phạm Thị Hồng Thảo	06/06/1982	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
54	24TA02355	Nguyễn Thị Thiên	30/01/1985	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
55	24TA02356	Trương Thị Thu	18/10/1981	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
56	24TA02357	Trần Thị Hà Thương	04/01/2000	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
57	24TA02358	Vũ Thị Thương	16/12/1989	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
58	24TA02359	Nguyễn Thị Thuỳ	15/08/1987	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
59	24TA02360	Nguyễn Thị Thuý	26/06/1988	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
60	24TA02361	Nguyễn Thị Diệu Thuý	17/03/1997	Quảng Trị	Khá	NA24B2TA3
61	24TA02362	Trần Thị Thúy	20/04/1985	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
62	24TA02348	Hồ Đức Tín	08/08/1993	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
63	24TA02363	Lê Thị Huyền Trang	28/11/1997	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
64	24TA02364	Trần Thị Huyền Trang	24/02/1988	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
65	24TA02365	Nguyễn Thị Thu Trang	20/05/1989	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
66	24TA02366	Đặng Thị Tuyết Trinh	12/09/1980	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA3
67	24TA02367	Trần Thị Tố Uyên	23/08/1999	Quảng Trị	Khá	NA24B2TA3
68	24TA02368	Nguyễn Thị Ý	18/01/1993	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
69	24TA02307	Chế Đình Đạt	25/11/1985	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
70	24TA02308	Hoàng Văn Đình	28/08/1985	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
71	24TA02309	Võ Anh Đức	07/06/2000	Nghệ An	Khá	NA24B2TA3
72	24TA02401	Cao Thị Bình An	30/01/1985	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
73	24TA02402	Trần Thị Hải Anh	13/10/1992	Phú Thọ	Khá	NA24B2TA4
74	24TA02403	Phan Tuấn Anh	24/09/1993	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
75	24TA02404	Bùi Thị Kim Anh	09/10/1994	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
76	24TA02405	Bùi Văn Ba	26/08/1992	Phú Thọ	Khá	NA24B2TA4
77	24TA02406	Nguyễn Quang Bảo	14/02/1982	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
78	24TA02407	Nguyễn Thành Chung	02/02/1991	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA4
79	24TA02408	Bùi Xuân Dân	25/07/1981	Ninh Bình	Khá	NA24B2TA4
80	24TA02410	Ngô Doanh	12/05/1979	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
81	24TA02411	Vũ Thị Thùy Dung	22/04/1990	Ninh Bình	Khá	NA24B2TA4
82	24TA02412	Đặng Việt Dũng	03/02/1994	Quảng Trị	Khá	NA24B2TA4
83	24TA02413	Nguyễn Thị Ánh Dương	31/01/1981	Hà Nội	Khá	NA24B2TA4
84	24TA02414	Lê Thị Duyên	24/10/1994	Hà Nội	Khá	NA24B2TA4
85	24TA02415	Phạm Thanh Hà	03/12/1987	Hà Nội	Khá	NA24B2TA4
86	24TA02417	Nguyễn Thị Hằng	05/09/1978	Hà Nội	Khá	NA24B2TA4
87	24TA02418	Cao Thị Thu Hằng	06/10/1997	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA4
88	24TA02419	Bành Thị Vũ Hằng	16/11/1985	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
89	24TA02420	Nguyễn Thị Thu Hiền	01/11/1981	Hà Nội	Khá	NA24B2TA4
90	24TA02421	Hoàng Thị Kim Hoa	22/09/1990	Phú Thọ	Khá	NA24B2TA4
91	24TA02422	Nguyễn Thị Thu Hoà	12/08/1984	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
92	24TA02423	Nguyễn Văn Hồng	01/05/1978	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
93	24TA02424	Hà Huy Huân	19/11/1989	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA4
94	24TA02425	Hoàng Thanh Hương	02/08/1981	Hà Nội	Khá	NA24B2TA4
95	24TA02426	Đức Thị Thanh Huyền	24/03/1984	Hà Nội	Khá	NA24B2TA4
96	24TA02427	Nguyễn Thị Thanh Huyền	09/08/1992	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
97	24TA02428	Nguyễn Thị Khánh	08/01/1999	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
98	24TA02429	Phạm Công Kỳ	05/11/1988	Nghệ An	Giỏi	NA24B2TA4
99	24TA02430	Kha Thị Huyền Lê	07/04/1999	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
100	24TA02431	Nguyễn Phương Lê	30/09/1988	Phú Thọ	Khá	NA24B2TA4
101	24TA02432	Trịnh Thị Lê	20/03/1988	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
102	24TA02433	Hoàng Thị Thảo Linh	30/04/1994	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
103	24TA02434	Trần Thị Lương	15/01/1986	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
104	24TA02435	Nguyễn Phương Mai	19/07/1993	Phú Thọ	Khá	NA24B2TA4
105	24TA02436	Nguyễn Thị Ngọc Mai	25/04/2000	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
106	24TA02437	Nguyễn Văn Mạnh	26/04/1999	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
107	24TA02438	Nguyễn Đức Nam	30/04/1986	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
108	24TA02439	Nguyễn Thu Ngân	14/08/1984	Phú Thọ	Khá	NA24B2TA4
109	24TA02440	Trần Thị Thanh Nhã	15/03/1987	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
110	24TA02442	Nguyễn Thị Nhung	15/10/1988	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
111	24TA02443	Võ Thị Nhung	17/02/2000	Thanh Hóa	Khá	NA24B2TA4
112	24TA02444	Nguyễn Đình Quế	24/06/1979	Hà Nội	Khá	NA24B2TA4
113	24TA02445	Uông Đình Thái	26/02/1982	Thái Nguyên	Khá	NA24B2TA4
114	24TA02446	Đình Thị Thái	18/02/1978	Ninh Bình	Khá	NA24B2TA4
115	24TA02447	Nguyễn Văn Thái	04/06/1994	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
116	24TA02448	Phạm Đình Thắng	27/05/1986	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
117	24TA02449	Nguyễn Văn Thanh	20/10/1994	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
118	24TA02450	Phạm Thị Hồng Thanh	11/02/1984	Phú Thọ	Khá	NA24B2TA4
119	24TA02451	Nguyễn Chí Thanh	16/10/1995	Phú Thọ	Khá	NA24B2TA4
120	24TA02452	Nguyễn Quốc Thành	05/10/1982	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
121	24TA02453	Lê Thị Phương Thảo	30/04/1999	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
122	24TA02454	Phan Thị Thu	10/11/1992	Nghệ An	Giỏi	NA24B2TA4
123	24TA02455	Hoàng Thị Quỳnh Thương	31/07/1996	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
124	24TA02456	Tạ Thị Thanh Thúy	20/01/1984	Hà Nội	Khá	NA24B2TA4
125	24TA02457	Hồ Thị Thúy	30/04/1986	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
126	24TA02458	Nguyễn Văn Tiến	14/06/1988	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
127	24TA02459	Hoàng Văn Tình	17/03/1980	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
128	24TA02460	Nguyễn Thị Thảo Trang	28/08/1994	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
129	24TA02461	Nguyễn Văn Trường	05/02/1996	Phú Thọ	Khá	NA24B2TA4
130	24TA02462	Phan Anh Tú	20/02/1994	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
131	24TA02463	Phạm Anh Tuấn	08/08/1988	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA4
132	24TA02464	Trương Khánh Tùng	28/12/1981	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA4
133	24TA02465	Phan Thanh Tùng	18/07/1986	Hà Tĩnh	Khá	NA24B2TA4
134	24TA02466	Nguyễn Thị Tuyên	26/11/1993	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
135	24TA02467	Nguyễn Đăng Việt	14/05/1991	Hà Nội	Khá	NA24B2TA4
136	24TA02468	Từ Đức Việt	02/09/1991	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
137	24TA02469	Hà Thị Yên	02/09/1979	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
138	24TA02470	Trần Thị Hải Yến	26/03/1987	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4
139	24TA02409	Phan Thị Đào	15/05/1980	Nghệ An	Khá	NA24B2TA4

Danh sách gồm 139 sinh viên.

5) Quản trị kinh doanh

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	19QT0129	Nguyễn Trọng Nguyên	30/11/1984	Khánh Hòa	TB Khá	NT19QTTC
2	19QT0128	Phạm Trọng Nhân	09/04/1996	Quảng Trị	TB Khá	NT19QTTC
3	24QT0094	Nguyễn Thị Ngọc Dung	09/10/1993	Khánh Hòa	Khá	NT24CQT
4	24QT0101	Nguyễn Hữu Hạn	12/04/1994	Đắk Lắk	Khá	NT24CQT
5	24QT0054	Vũ Ngọc Hiền	23/10/1995	Cà Mau	Khá	NT24CQT
6	24QT0104	Nguyễn Thị Minh Hoàng	10/12/1999	Gia Lai	Khá	NT24CQT
7	24QT0090	Cao Thị Hương	07/03/1985	Nghệ An	Khá	NT24CQT
8	24QT0055	Nguyễn Đình Khải	01/05/2000	Khánh Hòa	TB Khá	NT24CQT
9	24QT0075	Bùi Kim Khánh	14/02/2000	Khánh Hòa	Khá	NT24CQT
10	24QT0057	Nguyễn Thanh Lam	01/05/1999	Khánh Hòa	Khá	NT24CQT
11	24QT0070	Ngô Thị Ngọc Lan	16/06/1994	Khánh Hòa	Khá	NT24CQT
12	24QT0085	Lê Văn Lơ	10/01/1991	Đà Nẵng	Khá	NT24CQT
13	24QT0076	Nguyễn Trung Lương	06/01/1977	Hà Tĩnh	Khá	NT24CQT
14	24QT0098	Nguyễn Hoàng Nhã	01/05/1989	Đà Nẵng	Giỏi	NT24CQT
15	24QT0084	Hồ Quang Nhật	03/10/1993	Khánh Hòa	Khá	NT24CQT
16	24QT0060	Trương Thị Ý Nhi	25/06/1995	Khánh Hòa	Khá	NT24CQT
17	24QT0061	Đặng Thị Minh Nhi	18/09/1999	Khánh Hòa	Khá	NT24CQT
18	24QT0062	Nguyễn Kiều Nhi	14/07/2000	Khánh Hòa	Khá	NT24CQT
19	24QT0073	Lê Minh Quốc	29/05/2003	Khánh Hòa	TB Khá	NT24CQT
20	24QT0077	Cao Nguyễn An Sơn	30/05/2000	Khánh Hòa	Khá	NT24CQT
21	24QT0088	Ngô Lê Hồng Thắm	24/11/2003	Khánh Hòa	TB Khá	NT24CQT
22	24QT0065	Trần Lê Thanh	05/11/2001	Khánh Hòa	Khá	NT24CQT

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
23	24QT0063	Phạm Huyền Thủy Tiên	12/03/1996	Khánh Hòa	Khá	NT24CQT
24	24QT0099	Nguyễn Khánh Trang	25/01/1998	Khánh Hòa	Khá	NT24CQT
25	24QT0068	Lê Thị Phương Trinh	17/02/1997	Đăk Lăk	Khá	NT24CQT
26	24QT0089	Đoàn Đình Trúc	15/12/1988	Khánh Hòa	Khá	NT24CQT
27	24QT0092	Khâu Thị Hoàng Uyên	24/06/1996	Khánh Hòa	Khá	NT24CQT
28	24QT0069	Trần Thị Kim Vàng	14/04/1984	Khánh Hòa	Khá	NT24CQT
29	24QT0067	Phạm Văn Vinh	24/02/1988	Khánh Hòa	Khá	NT24CQT

Danh sách gồm 29 sinh viên.

6) Kỹ thuật tàu thủy

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	55130965	Huỳnh Thanh Luân	28/10/1985	Khánh Hòa	Khá	55P.KTTT

Danh sách gồm 01 sinh viên.

7) Hệ thống thông tin quản lý

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	57131559	Nguyễn Hoàng Đạt	14/06/1997	Khánh Hòa	TB Khá	57P.TTQL

Danh sách gồm 01 sinh viên.

8) Kỹ thuật cơ điện tử

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	62132961	Võ Văn Tiến Đạt	18/07/2002	Khánh Hòa	TB Khá	62P.CDT

Danh sách gồm 01 sinh viên.